TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẬP** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 01 năm 2020
V/v Tranh chấp về Hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẬP- TỈNH PHÚ THỌ

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Mẫu.
Các hội thẩm nhân dân: 1, Ông Nguyễn Quang Sáng
2, Ông Nguyễn Xuân Thành

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Cấn Trường Trung – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Hùng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 252 /TLST/HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01 /2020/QĐXXST ngày 02 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T, sinh năm1993. Có mặt.
Bị đơn: Anh Hoàng Văn D - Sinh năm 1983. Có mặt.
Đều địa chỉ: Khu Đồng Phú, xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn Chị Đinh Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Văn D tự nguyện kết hôn, Có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ ngày 18/10/2010. Tình cảm vợ chồng chỉ hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì sẩy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có sự đồng cảm, không chăm sóc, quan tâm đến nhau, mất lòng tin ở nhau , hai bên đã cố gắng để khắc phục và được gia đình góp ý nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không khắc phục được. Nay chị T xin được ly hôn anh D để ổn định cuộc sống.

Bị đơn anh Hoàng Văn D trình bày: về thời gian kết hôn và quá trình chung sống như chị T trình bày là đúng. Mâu thuẫn sẩy ra kể từ khi chị T tự ý bỏ nhà đi làm ăn ở Trung Quốc, tôi đã sang Trung Quốc đón chị T nhưng chị không về. Vợ chồng cũng cắt đứt mọi quan hệ từ đầu năm 2019 đến nay. Tôi đã làm mọi cách để động viên chị T về đoàn tụ, nhưng chị T không về. Đến đầu tháng 01/2020 chị T có đến đón con thì vợ chồng có sẩy ra mâu thuẫn và tôi có tát chị T mấy cái, cán bộ khu và công an xã có đến giải quyết. Chị T có nhiều biểu hiện không chung thủy, nên vợ chồng ngày càng mất lòng

tin ở nhau. Nay chị T xin ly hôn, tuy mâu thuẫn đã trầm trọng, nhưng tôi không muốn các con tôi sống thiếu tình cảm của cha, mẹ nên tôi không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh D trình bày vợ chồng có hai con chung là: Hoàng Anh Q, sinh ngày 06/7/2010 và Hoàng Anh H, sinh ngày 08/11/2014.

Quan điểm anh D: Nếu ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi cả hai con chung kể từ khi ly hôn đến khi trưởng thành. Anh tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Quan điểm chị T: Chị xin nuôi cháu Q để anh D nuôi cháu H. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ và công sức: Chị T và anh D đều trình bày không có nên thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của Pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Pháp luật, bị đơn không có mặt tại phiên tòa hôm nay nhưng tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên có quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều 56, 58, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho chị Đinh Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn D. Về con chung: Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Hoàng Anh Q, sinh ngày 06/7/2010, giao cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Hoàng Anh H, sinh ngày 08/11/2014. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các mối quan hệ khác về tài sản chung, công nợ, công sức đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Chị T phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã gửi thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị T, anh D để hòa giải .

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị T và anh Hoàng Văn D tự nguyện kết hôn , có đăng ký kết hôn tại xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ 18/10/2010, đây là một hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Đồng Lạc, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng hòa thuận được thời gian ngắn thì sẩy ra mâu thuẫn, do không hợp nhau nên thường bất đồng quan điểm trong làm ăn , sinh hoạt, thường xuyên cãi chửi nhau, mất lòng tin ở nhau, mâu thuẫn đã rất trầm trọng không khắc phục được, nên chị T xin được ly hôn anh D. Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân tại khu Đồng Phú, xã Đồng Lạc là nơi anh chị sinh sống thì được khu cho biết: Chị T và anh D có sẩy ra mâu thuẫn, đầu tháng 01/2020 anh chị còn sẩy ra đánh nhau khu và công an xã phải đến giải quyết. Nay chị T xin ly hôn đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy: Việc chị T xin ly hôn anh D là đúng với thực tế, có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay anh D cũng xác nhận là mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm gì, nhưng anh không muốn các con sống thiếu tình cảm của cha, mẹ nên anh không nhất trí ly hôn. Việc anh D không nhất trí ly hôn là gây khó khăn cho chị T. Xét thấy: Việc anh D không nhất trí ly hôn là không đúng với thực tế, không có căn cứ và không phù hợp với quy định của pháp luật nên không chấp nhận.

Về con chung: Chị T và anh D có hai con chung là Hoàng Anh Q, sinh ngày 06/7/2010 và Hoàng Anh H, sinh ngày 08/11/2014. Sau ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Q, để anh D nuôi cháu H. Anh D xin được trực tiếp nuôi cả hai con chung kể từ khi ly hôn đến khi trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy: Việc anh D xin nuôi cả hai con chung là không đúng với thực tế, không có căn cứ và không phù hợp với quy định pháp luật nên không chấp nhận. Quan điểm cháu Q xin ở với mẹ. Xét điều kiện kinh tế của cả hai bên, cũng như để đảm bảo quyền lợi cho con cái trước mắt cũng như lâu dài. Xét thấy: Việc chị T xin trực tiếp nuôi cháu Q, để cho anh D trực tiếp nuôi cháu H là phù hợp với thực tế, có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T và anh D đều trình bày không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 56, 58, 81, 82 và điều 83 luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 và điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Đinh Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn D.

2. Về con chung:

Xử : Giao cháu Hoàng Anh Q, sinh ngày 06/7/2010 cho Chị Đinh Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Giao cháu Hoàng Anh H, sinh ngày 08/11/2014 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc kể từ khi ly hôn đến khi trưởng thành. Chị T và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Không ai được cản trở việc thăm nôm, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Xác nhận chị T đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số: A A/2018/ 0001232 ngày 05 / 12 / 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Chị Đinh Thị T và anh Hoàng Văn D được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Yên Lập;*
- *Chi cục THADS huyện Yên Lập;*
- *UBND xã Đồng Lạc: Yên Lập;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Mẫu